

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: 24 /2008/QĐ-BGTVT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Thanh tra Bộ Giao thông vận tải**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 136/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Bộ) là cơ quan của Bộ Giao thông vận tải, thuộc hệ thống tổ chức Thanh tra giao thông vận tải, thực hiện chức năng thanh tra hành chính đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Thanh tra Bộ hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Thanh tra Bộ có con dấu riêng, có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu của Bộ khi Chánh thanh tra Bộ ký văn bản thừa lệnh Bộ trưởng.

Thanh tra Bộ có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: Ministry of Transport Inspectorate, viết tắt là: MTI.

## **Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ**

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; thanh tra các vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành giao thông vận tải đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và làm nhiệm vụ thường trực Ban chỉ đạo phối hợp thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của Bộ; giúp Bộ trưởng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Tổng kết thực tiễn, hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho thanh tra viên, chuyên viên làm công tác thanh tra, cộng tác viên thanh tra trong các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ và thanh tra giao thông vận tải ở địa phương.

6. Quản lý, chỉ đạo về công tác, tổ chức và hoạt động nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Cục); chủ trì, phối hợp với Thanh tra Cục hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra giao thông vận tải ở địa phương.

7. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý ngành giao thông vận tải; kiến nghị đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quyết định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, kiến nghị và quyết định xử lý sau thanh tra.

9. Phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan liên quan trong quá trình thanh tra và thực hiện công tác phòng

ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải.

– 11. Tuyên truyền pháp luật về thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính; trật tự an toàn giao thông.

12. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản được giao theo quy định.

13. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

### **Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải; trực tiếp quản lý, điều hành cơ quan Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quyết định này và các quy định khác của pháp luật.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thanh tra theo thẩm quyền.

4. Quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện quyết định thanh tra hoặc phân công Thanh tra viên thuộc hệ thống tổ chức Thanh tra giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

5. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tạm đình chỉ thi hành quyết định sai trái về công tác thanh tra của cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Giao thông vận tải.

6. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra, xác minh, ra quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quyết định xử lý vi phạm của Chánh thanh tra Cục nếu có căn cứ xác định quyết định đó trái pháp luật hoặc gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

8. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

9. Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra để ra kết luận và nội dung thanh tra, đối với trường hợp Chánh thanh tra Bộ ra quyết định thanh tra.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ**

1. Thanh tra Bộ được tổ chức các phòng trực thuộc :

- a) Phòng Tổng hợp;
- b) Phòng Thanh tra 1;
- c) Phòng Thanh tra 2;
- d) Phòng Thanh tra 3.

Khi xét thấy cần thiết, Chánh thanh tra Bộ trình Bộ trưởng thành lập hoặc giải thể phòng thuộc Thanh tra Bộ. Chánh thanh tra Bộ quy định nhiệm vụ và quyền hạn và mối quan hệ làm việc của các phòng.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra Bộ, một số Phó Chánh thanh tra Bộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chuyên viên do Bộ trưởng quyết định trong tổng số biên chế hành chính của Bộ được giao.

3. Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra. Phó Chánh thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ.

4. Bộ trưởng ủy quyền cho Thứ trưởng - Thủ trưởng Cơ quan Bộ bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ. Thanh tra viên các cấp được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động**

1. Thanh tra Bộ hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định tại Quyết định này.

2. Bộ trưởng chỉ đạo hoạt động đối với Thanh tra Bộ chủ yếu thông qua Chánh thanh tra Bộ. Chánh thanh tra Bộ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc thực hiện chức năng thanh tra và nhiệm vụ được phân công theo quy định của pháp luật.

3. Chánh thanh tra Bộ lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra theo chế độ phòng. Các Phó Chánh thanh tra Bộ giúp việc Chánh thanh tra Bộ, trực tiếp chỉ đạo và thực hiện một số nhiệm vụ theo phân công của Chánh thanh tra Bộ và chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra Bộ về phần việc đó. Trưởng phòng tổ

chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Thanh tra Bộ về phần việc được phân công.

4. Công chức thuộc Thanh tra Bộ chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Chánh thanh tra Bộ, Trưởng phòng và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của các Phó Chánh thanh tra Bộ, chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra Bộ và Trưởng phòng về phần nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp Bộ trưởng và các Thứ trưởng làm việc trực tiếp với Phó Chánh thanh tra Bộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Thanh tra viên và chuyên viên, thì Phó Chánh thanh tra Bộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Thanh tra viên và chuyên viên có trách nhiệm thực hiện, sau đó báo cáo lại với Chánh thanh tra Bộ.

5. Đoàn Thanh tra, Thanh tra viên trong Đoàn thực hiện nhiệm vụ theo Luật Thanh tra và Quy chế hoạt động của Đoàn Thanh tra do Thanh tra Chính phủ ban hành.

6. Thanh tra Bộ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức giúp việc Bộ trưởng, các tổ chức trong và ngoài ngành để thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 6. Kinh phí hoạt động**

Thanh tra Bộ được cấp kinh phí hoạt động; được trích, lập, quản lý và sử dụng các khoản kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; bãi bỏ Quyết định số 21/2004/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ Giao thông vận tải.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /H

#### **Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 7;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Đảng ủy Cơ quan Bộ;
- Công đoàn Cơ quan Bộ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Các Sở GTVT;
- Công báo;
- Lưu: VT, TCCB (5).



**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Nghĩa Dũng**